

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 358/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

**Về cơ chế hoạt động và quản lý tài chính của
Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 90/2025/QH15 và Luật số 141/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định về cơ chế hoạt động và quản lý tài chính của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định cơ chế hoạt động, cơ chế quản lý tài chính của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam (sau đây gọi là DATC).
2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến tổ chức và hoạt động của DATC.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. “Bên nợ” là tổ chức kinh tế, cá nhân, chủ thể giao dịch dân sự khác có nghĩa vụ trả nợ được quy định tại hợp đồng hoặc phát sinh nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.
2. “Phương án mua nợ” là phương án do DATC xây dựng để mua một hoặc một số khoản nợ phải thu của một hoặc một số chủ nợ để xử lý theo quy định của Nghị định này.
3. “Phương án mua tài sản” là phương án do DATC xây dựng để mua một hoặc một số tài sản của một hoặc một số chủ sở hữu tài sản để xử lý theo quy định của Nghị định này.
4. “Phương án tái cơ cấu doanh nghiệp thông qua hoạt động mua nợ” là phương án do DATC xây dựng để tái cơ cấu, phục hồi hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu nợ từ việc mua một hoặc một số khoản nợ phải trả của doanh nghiệp bên nợ.
5. “Giảm trừ nghĩa vụ trả nợ” là biện pháp giảm trừ một phần hoặc toàn bộ trách nhiệm trả nợ cho bên nợ.

6. “Chuyển nợ thành vốn góp” là việc DATC sử dụng khoản nợ đã mua chuyển thành vốn góp tại doanh nghiệp và là một biện pháp xử lý, thu hồi nợ.

Điều 4. Chức năng, nhiệm vụ của DATC

1. Là công cụ của Chính phủ hỗ trợ cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước và các thành phần kinh tế khác thông qua hoạt động tiếp nhận, mua, xử lý nợ và tài sản theo chỉ định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.
2. Mua, xử lý các khoản nợ và tài sản theo cơ chế thị trường đảm bảo nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại DATC.

Điều 5. Ngành nghề, hoạt động kinh doanh của DATC

1. Tiếp nhận, xử lý nợ và tài sản tiếp nhận:
 - a) Tiếp nhận nợ và tài sản theo quy định của pháp luật về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, trong đó có cả đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cổ phần hóa để xử lý theo quy định tại Nghị định này;
 - b) Tiếp nhận, xử lý theo chỉ định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ gồm: nợ phải thu và các tài sản (trong đó có cả các tài sản tồn đọng, các tài

sản gắn với xử lý nợ theo quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ) để tiếp tục đầu tư khai thác hoặc xử lý, thu hồi vốn cho Nhà nước theo quy định tại Nghị định này.

2. Mua, xử lý nợ và tài sản mua, gồm:

a) Mua, xử lý các khoản nợ và tài sản mua (trong đó có cả các dự án cần hỗ trợ xử lý nợ để tiếp tục đầu tư, khai thác) theo chỉ định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

b) Mua, xử lý các khoản nợ và tài sản mua của các doanh nghiệp nhà nước và các thành phần kinh tế khác.

3. Tái cơ cấu doanh nghiệp thông qua hoạt động mua, bán, xử lý nợ và tài sản.

4. Quản lý, đầu tư, khai thác và kinh doanh tài sản; kinh doanh bất động sản gắn với hoạt động xử lý nợ và tài sản tiếp nhận thuộc các trường hợp: là tài sản bảo đảm khoản nợ DATC mua, tiếp nhận; tài sản nhận cầm trả nợ; tài sản mua, tiếp nhận theo chỉ định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo đúng quy định của pháp luật.

5. Mua, quản lý, nhận chuyển giao nghĩa vụ nợ, xử lý nợ và tài sản có nguồn gốc từ Chính phủ/Nhà nước (nợ, tài sản hình thành từ vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ, nợ, tài sản hình thành từ vốn vay Chính phủ bảo lãnh) theo quyết định của cấp có thẩm quyền; quản lý, khai thác tài sản công theo quy định của pháp luật.

6. Tư vấn xử lý nợ, tài sản, mua, bán, sáp nhập, tái cơ cấu doanh nghiệp.

7. Thực hiện các hoạt động dịch vụ về: thẩm định giá, quản lý nợ và tài sản trên cơ sở đảm bảo đầy đủ các điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật.

Chương II

HOẠT ĐỘNG CỦA DATC

Mục 1

TIẾP NHẬN NỢ VÀ TÀI SẢN

Điều 6. Tiếp nhận nợ và tài sản theo quy định về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng và cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập

1. Các khoản nợ và tài sản bàn giao, tiếp nhận phải đảm bảo có đủ hồ sơ,

có hiện vật (đối với tài sản). Trường hợp nợ và tài sản không có đủ hồ sơ, không còn hiện vật thì DATC có văn bản gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu và doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, đơn vị sự nghiệp công lập thông báo lý do không tiếp nhận để doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập tiếp tục quản lý, theo dõi hoặc xử lý theo quy định về cơ cấu lại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng và cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Việc bàn giao, tiếp nhận nợ và tài sản được thực hiện theo quy định về cơ cấu lại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng và cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 7. Tiếp nhận nợ và tài sản theo chỉ định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

1. Tiếp nhận nợ phải thu và tài sản:

DATC, cơ quan đại diện chủ sở hữu và tổ chức có nợ và tài sản bàn giao thực hiện bàn giao, tiếp nhận để xử lý nợ phải thu, tài sản như đối với nợ, tài sản loại trừ khỏi giá trị doanh nghiệp, chuyển đổi sở hữu và phù hợp với văn bản chỉ định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Tiếp nhận các tài sản khác:

a) DATC thực hiện tiếp nhận các tài sản khác theo chỉ định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để tiếp tục đầu tư, khai thác hoặc xử lý thu hồi vốn cho Nhà nước;

b) Đối tượng, điều kiện tiếp nhận, bàn giao theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Mục 2

MUA NỢ VÀ TÀI SẢN

Điều 8. Mua nợ và tài sản

1. DATC mua, xử lý nợ và tài sản theo nhiệm vụ, phương án được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ định.

2. DATC mua các khoản nợ trong nước và nước ngoài trong đó có trái phiếu, hối phiếu, công cụ nợ khác để xử lý gắn với phương án mua nợ.

3. DATC được mua tài sản của các tổ chức và cá nhân để kinh doanh. Đối với tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai, dự án bất động sản, DATC mua theo chỉ định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

4. Các khoản nợ phải thu phát sinh từ nghiệp vụ mua nợ của DATC là một loại hàng hóa và được quản lý, theo dõi từng phương án.

Điều 9. Hình thức mua nợ, tài sản

1. Mua theo chỉ định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.
2. Thỏa thuận trực tiếp với chủ nợ, chủ sở hữu tài sản.
3. Tham gia đấu thầu, đấu giá mua nợ và tài sản.

Điều 10. Nguyên tắc mua nợ và tài sản

1. Đối với hoạt động mua nợ và tài sản theo chỉ định:

Phương án mua nợ, mua tài sản (trong đó có cả dự án cần hỗ trợ xử lý nợ) đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật và chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để thực hiện. DATC sử dụng nguồn vốn kinh doanh hoặc nguồn vốn do nhà nước cấp theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để thực hiện phương án mua nợ, tài sản theo chỉ định. Trong đó:

a) Các khoản nợ, tài sản mua theo chỉ định là các khoản nợ, tài sản của các doanh nghiệp gắn với việc cơ cấu lại doanh nghiệp theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phù hợp với thẩm quyền quy định;

b) Nội dung chỉ định bao gồm: đối tượng mua nợ, tài sản; giá mua nợ, tài sản; các biện pháp hỗ trợ xử lý tài chính, xử lý tài sản (nếu cần);

c) Cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp có nợ và tài sản có trách nhiệm phối hợp với DATC và các cơ quan liên quan báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định các nội dung chỉ định sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính. Nội dung báo cáo phải nêu rõ: cơ sở pháp lý, cơ sở chính trị và thẩm quyền quyết định chỉ định;

d) Khoản phải trả phát sinh từ việc thực hiện nhiệm vụ chỉ định được loại trừ trên hệ thống thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam (CIC) khi đánh giá, xếp loại tín dụng đối với DATC.

2. Đối với hoạt động mua nợ, tài sản để kinh doanh:

a) Phương án mua nợ, tài sản được xây dựng và phê duyệt trên cơ sở đánh giá phương án thu hồi vốn khả thi và có hiệu quả kinh tế;

b) Nợ và tài sản được mua phải có hồ sơ chứng minh quyền chủ nợ, quyền chủ sở hữu tài sản;

c) Việc mua nợ, tài sản chỉ thực hiện khi có phương án được phê duyệt theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của DATC và có thể thực hiện cho từng khoản nợ, tài sản hay theo nhóm gồm nhiều khoản nợ,

tài sản khác nhau của cùng một chủ nợ, chủ sở hữu tài sản hoặc của nhiều chủ nợ, chủ sở hữu tài sản.

Mục 3

XỬ LÝ NỢ MUA, TIẾP NHẬN

Điều 11. Hình thức xử lý nợ mua, tiếp nhận

DATC xử lý các khoản nợ quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định này theo các hình thức sau:

1. Thu hồi nợ trực tiếp từ bên nợ và các bên có liên quan bằng tiền, tài sản, các công cụ nợ (trái phiếu, hối phiếu).

2. Quản lý, đầu tư, khai thác, xử lý tài sản liên quan đến khoản nợ mua, tiếp nhận, gồm:

a) Tài sản bảo đảm của các khoản nợ mua, tiếp nhận, trong đó có dự án bất động sản dở dang;

b) Phần vốn mua của Bên nợ hoặc bên thứ ba để kiểm soát rủi ro trong quá trình thu hồi nợ kèm theo điều khoản bán lại phần vốn theo thỏa thuận sau khi bên nợ hoàn thành các nghĩa vụ đã cam kết với DATC;

c) Tài sản nhận cầm giữ nợ để thu hồi nợ.

3. Bán nợ

DATC bán nợ theo các phương thức: đấu giá, thỏa thuận trực tiếp với các tổ chức, cá nhân (không bao gồm bên nợ, trừ trường hợp bên nợ là doanh nghiệp phát hành trái phiếu mua lại trái phiếu trước hạn theo quy định của pháp luật chứng khoán).

DATC thực hiện bán nợ theo phương thức thỏa thuận trực tiếp với bên mua khi đáp ứng một trong những trường hợp sau:

a) Sau khi đã bán nợ theo phương thức đấu giá công khai nhưng không thành công với giá thỏa thuận không thấp hơn giá khởi điểm bán đấu giá;

b) Trước khi DATC ký hợp đồng mua nợ đã có khách hàng cam kết mua lại khoản nợ, đồng thời đáp ứng được các điều kiện của DATC về giá mua nợ, thanh toán và đặt cọc;

c) Bán trái phiếu trước hạn theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp phát hành và DATC, giá chuyển nhượng phải đảm bảo nguyên tắc bảo toàn vốn.

4. Nhận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ từ bên nợ sang bên thứ ba theo quy định của pháp luật dân sự.

5. Chuyển nợ thành vốn góp tại doanh nghiệp, hoán đổi trái phiếu theo thỏa thuận với doanh nghiệp phát hành.

6. Cơ cấu lại nợ theo các hình thức: điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ, khoanh nợ, điều chỉnh lãi suất khoản nợ.

7. Giảm trừ một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ.

8. Thu nợ có chiết khấu.

9. Các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật và quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 12. Nội dung xử lý nợ mua, tiếp nhận

1. Xử lý nợ mua theo quy định tại Điều 8 Nghị định này:

a) Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, khoanh nợ, gia hạn nợ và điều chỉnh lãi suất khoản nợ phù hợp với khả năng của bên nợ và điều kiện thị trường;

b) Giảm trừ nghĩa vụ trả nợ lãi và một phần nợ gốc cho bên nợ nhưng phải đảm bảo phương án mua nợ có hiệu quả;

c) Thỏa thuận với bên nợ và các bên có liên quan để thu nợ bằng tài sản trong đó có quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai; dự án, kể cả dự án bất động sản; phần vốn tại doanh nghiệp khác. Tài sản thu nợ phải được xác định giá thông qua tổ chức có chức năng xác định giá và đảm bảo có đủ hồ sơ, điều kiện để thực hiện chuyển giao quyền sở hữu giữa các bên theo quy định của pháp luật. Khi chuyển nhượng phần vốn hình thành từ thu nợ bằng tài sản, DATC thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định này;

d) Thỏa thuận với bên nợ và bên thứ ba để thực hiện quyền chuyển giao nghĩa vụ trả nợ sang bên thứ ba trên nguyên tắc đảm bảo thuận lợi hơn cho DATC trong việc xử lý nợ và thu hồi nợ;

đ) Thỏa thuận với chủ sở hữu doanh nghiệp về việc chuyển nợ thành vốn góp để tham gia tái cơ cấu doanh nghiệp bên nợ theo quy định tại Mục 5 Chương II Nghị định này;

e) Việc xử lý tài sản bảo đảm khoản nợ thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định tại Nghị định này; DATC thực hiện quyền thu giữ tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều 198a Luật Các tổ chức tín dụng 2024 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số 96/2025/QH15) đối với nợ xấu mua từ các tổ chức tín dụng;

g) DATC được áp dụng thứ tự ưu tiên thanh toán theo Điều 199 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 đối với nợ xấu mua từ các tổ chức tín dụng.

2. Xử lý nợ tiếp nhận theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Nghị định này:

a) Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, khoan nợ, gia hạn nợ và điều chỉnh lãi suất khoản nợ phù hợp với khả năng của bên nợ và điều kiện thị trường;

b) Giảm trừ nghĩa vụ trả nợ lãi và sử dụng một phần phí được hưởng theo quy định để giảm trừ một phần nghĩa vụ trả nợ gốc nhằm khuyến khích bên nợ trả nợ sớm;

c) Thỏa thuận với bên nợ và các bên có liên quan để thu nợ bằng tài sản trong đó có quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai; dự án, kể cả dự án bất động sản; phần vốn tại doanh nghiệp khác. Tài sản thu nợ phải được định giá thông qua tổ chức có chức năng thẩm định giá và đảm bảo có đủ hồ sơ, điều kiện để thực hiện chuyển giao quyền sở hữu giữa các bên theo quy định của pháp luật. Khi chuyển nhượng phần vốn hình thành từ thu nợ bằng tài sản, DATC thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định này;

d) Thỏa thuận với bên nợ và bên thứ ba để thực hiện chuyển giao nghĩa vụ trả nợ sang bên thứ ba trên nguyên tắc đảm bảo thuận lợi hơn cho DATC trong việc xử lý và thu hồi nợ;

đ) Thỏa thuận với chủ sở hữu doanh nghiệp nợ về việc chuyển nợ thành vốn góp để tham gia tái cơ cấu doanh nghiệp bên nợ theo quy định tại Mục 5 Chương II Nghị định này;

e) Việc xử lý tài sản bảo đảm khoản nợ thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định tại Nghị định này; DATC thực hiện quyền thu giữ tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều 198a Luật Các tổ chức tín dụng 2024 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số 96/2025/QH15) đối với nợ xấu tiếp nhận từ các tổ chức tín dụng;

g) DATC được áp dụng thứ tự ưu tiên thanh toán theo Điều 199 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 với nợ xấu tiếp nhận từ các tổ chức tín dụng;

h) Đối với các khoản nợ được xác định là không có khả năng thu hồi theo quy định (trong đó có cả nợ xử lý trước thời điểm bàn giao) đã được DATC theo dõi ngoài bảng cân đối kế toán từ 10 năm trở lên (tính cả thời gian doanh nghiệp theo dõi ngoài bảng trước khi chuyển giao cho DATC nếu có), DATC quyết định và chịu trách nhiệm về việc loại trừ, không tiếp tục theo dõi trên sổ sách kế toán.

3. Bán nợ theo phương thức đấu giá công khai thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản. Mức giá bán nợ lần đầu theo hình thức đấu

giá phải căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá còn hiệu lực theo quy định của pháp luật về thẩm định giá.

4. Đối với nợ tiếp nhận và nợ mua theo chỉ định, DATC căn cứ phương án mua, bán, xử lý nợ được chỉ định được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có) và các hình thức, nội dung xử lý nợ quy định tại Nghị định này để xử lý.

5. Đối với các khoản nợ, tài sản hình thành từ các khoản nợ có nguồn gốc từ Chính phủ, DATC thực hiện quản lý, khai thác, xử lý theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

Mục 4

XỬ LÝ TÀI SẢN MUA, TIẾP NHẬN

Điều 13. Hình thức xử lý tài sản mua, tiếp nhận

1. Chuyển nhượng tài sản, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án bất động sản đã mua, tiếp nhận theo chỉ định.
2. Dùng tài sản để thành lập doanh nghiệp, hợp tác kinh doanh, góp vốn, liên doanh, liên kết.
3. Quản lý, đầu tư, kinh doanh tài sản (trong đó có cả dự án đã mua, tiếp nhận theo chỉ định).

Điều 14. Nguyên tắc, phương thức xử lý tài sản mua, tiếp nhận

1. Trường hợp sử dụng tài sản, dự án để thành lập doanh nghiệp, hợp tác kinh doanh, góp vốn, liên doanh, liên kết thì giá trị góp vốn thực hiện theo nguyên tắc đồng thuận giữa các bên nhưng không thấp hơn giá do tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định tại thời điểm góp vốn, hợp tác.

2. Đối với tài sản tiếp nhận, tài sản mua là hàng hóa với mục đích kinh doanh, việc chuyển nhượng tài sản thực hiện theo các phương thức: đấu giá, thỏa thuận trực tiếp với các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. Trong đó:

a) DATC thực hiện chuyển nhượng tài sản theo phương thức thỏa thuận trực tiếp với bên mua sau khi đã tổ chức bán đấu giá công khai nhưng không thành công. Giá thỏa thuận để chuyển nhượng không thấp hơn giá khởi điểm bán đấu giá;

b) Bán đấu giá công khai thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản. Giá chuyển nhượng lần đầu được căn cứ vào giá do tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định trên cơ sở Chứng thư thẩm định giá còn

hiệu lực theo quy định pháp luật thẩm định giá.

3. Đối với tài sản tiếp nhận được DATC sử dụng vào mục đích kinh doanh thì DATC nộp tiền về ngân sách nhà nước theo quy định của Chính phủ về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp tương ứng với giá trị tài sản định giá lại sau khi trừ (-) đi chi phí chuyển trả cho doanh nghiệp giữ hộ tài sản trước khi bàn giao cho DATC và các chi phí liên quan đến việc DATC tiếp nhận, định giá tài sản.

4. Đối với tài sản mua, tiếp nhận theo chỉ định, DATC căn cứ vào phương án mua, bán, xử lý tài sản chỉ định đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có) và các hình thức, nguyên tắc xử lý tài sản quy định tại Điều 13 và khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 14 Nghị định này để xử lý.

Trường hợp DATC tiếp nhận tài sản theo chỉ định để xử lý, thu hồi cho Nhà nước thì được hưởng phí xử lý tài sản theo hướng dẫn của Bộ Tài chính trên nguyên tắc bù đắp đủ chi phí xử lý tài sản cộng (+) một phần chi phí quản lý.

5. DATC thực hiện quản lý, khai thác tài sản công được giao theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật khác có liên quan.

Mục 5

TÁI CƠ CẤU DOANH NGHIỆP

Điều 15. Đối tượng và điều kiện tái cơ cấu

1. Đối tượng tái cơ cấu:

a) Các doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện cổ phần hóa hoặc chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quy định của pháp luật về cơ cấu lại sau khi xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định mà giá trị thực tế của doanh nghiệp thấp hơn các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp;

b) Các doanh nghiệp khác là bên nợ của DATC gắn với phương án xử lý thu hồi nợ.

2. Điều kiện tái cơ cấu:

a) Doanh nghiệp được đánh giá có khả năng phục hồi và phát triển sau khi DATC tham gia xử lý nợ, tái cơ cấu;

b) DATC có đủ nguồn chênh lệch giữa giá mua nợ và giá trị sổ sách của khoản nợ để xử lý các tồn tại tài chính và thực hiện các giải pháp phục hồi

doanh nghiệp.

Điều 16. Xử lý tài chính đối với doanh nghiệp tái cơ cấu

1. Nguyên tắc xử lý tài chính:

a) Việc xử lý tài chính đối với doanh nghiệp tái cơ cấu phải gắn với phương án tái cơ cấu đã được cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp phê duyệt. Việc giảm trừ nghĩa vụ trả nợ phải gắn liền với việc DATC chuyển nợ, tài sản thành vốn góp tại doanh nghiệp và không làm thay đổi trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đã gây ra tổn thất tài chính trước đây;

b) Đảm bảo công khai, minh bạch và chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

2. Nội dung xử lý tài chính:

a) DATC xem xét, giảm trừ một phần nghĩa vụ trả nợ gắn với phương án tái cơ cấu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức giảm trừ nghĩa vụ trả nợ tối đa bằng số âm vốn chủ sở hữu và không vượt quá số chênh lệch giữa giá trị sổ sách khoản nợ mua và giá mua nợ tính đến thời điểm quyết định giảm trừ nghĩa vụ trả nợ. Phần âm vốn chủ sở hữu xác định như sau:

a1) Đối với doanh nghiệp thuộc điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định này, phần âm vốn chủ sở hữu được căn cứ theo Quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu về xác định giá trị doanh nghiệp.

a2) Đối với doanh nghiệp thuộc điểm b khoản 1 Điều 15 Nghị định này, phần âm vốn chủ sở hữu căn cứ trên báo cáo tài chính gần nhất của doanh nghiệp đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập.

Trường hợp sau khi giảm trừ nghĩa vụ trả nợ bằng giá trị tuyệt đối số âm vốn chủ sở hữu nhưng doanh nghiệp vẫn còn lỗ lũy kế thì DATC xem xét, tiếp tục giảm trừ nghĩa vụ trả nợ. Mức giảm trừ tối đa không quá số lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính gần nhất của doanh nghiệp đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và không vượt quá số chênh lệch còn lại giữa giá trị sổ sách khoản nợ mua và giá mua nợ tính đến thời điểm quyết định giảm trừ nghĩa vụ trả nợ;

b) Các chủ nợ khác quyết định giảm trừ nghĩa vụ trả nợ cho doanh nghiệp tái cơ cấu theo thỏa thuận giữa các bên;

c) Từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, thời điểm DATC xây dựng phương án tái cơ cấu đến thời điểm DATC chính thức trở thành cổ đông, thành viên góp vốn, nếu doanh nghiệp tái cơ cấu có phát sinh lỗ, doanh nghiệp tái cơ cấu làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan để có biện pháp khắc phục, bồi thường theo quy định, số lỗ còn lại

được DATC và các chủ nợ tham gia tái cơ cấu xem xét, thực hiện tiếp việc giảm trừ một phần nghĩa vụ trả nợ nếu còn nguồn chênh lệch giữa giá mua nợ và giá trị sổ sách khoản nợ;

d) Sau khi chính thức trở thành cổ đông, thành viên góp vốn tại doanh nghiệp tái cơ cấu, DATC xem xét tiếp tục xử lý nợ cho doanh nghiệp theo quy định tại Điều 11, Điều 12 Nghị định này trong nguồn chênh lệch còn lại.

Điều 17. Các biện pháp khác để phục hồi doanh nghiệp tái cơ cấu

Doanh nghiệp tái cơ cấu do DATC nắm giữ trên 50% vốn điều lệ có phương án sản xuất kinh doanh, phương án sử dụng vốn khả thi (trong đó có cả nguồn trả nợ) và hiệu quả thì được DATC xem xét hỗ trợ các biện pháp sau đây:

1. Cho vay vốn từ nguồn vốn kinh doanh của DATC theo các nguyên tắc sau:

a) DATC quyết định và chịu trách nhiệm về việc cho doanh nghiệp tái cơ cấu vay vốn, trên cơ sở phương án thu hồi vốn hiệu quả và khả thi;

b) Không cho vay đối với các doanh nghiệp tái cơ cấu mà DATC đã có kế hoạch chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của DATC trong năm tài chính. Đối với doanh nghiệp tái cơ cấu đã được DATC cho vay, trường hợp DATC có kế hoạch chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của DATC tại doanh nghiệp thì phải có phương án thu hồi khả thi khoản vay trước khi chuyển nhượng vốn góp;

c) Doanh nghiệp tái cơ cấu phải sử dụng đúng mục đích khoản cho vay của DATC, không được sử dụng khoản vay của DATC để trả nợ cho chính DATC;

d) Thực hiện giám sát doanh nghiệp tái cơ cấu trong việc sử dụng khoản cho vay của DATC theo đúng phương án sử dụng vốn.

2. Bảo lãnh vay vốn tại các tổ chức tín dụng:

DATC thực hiện bảo lãnh theo nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Việc bảo lãnh vay vốn để thực hiện dự án đầu tư phải trên cơ sở thẩm định hiệu quả của dự án đầu tư và phải có cam kết trả nợ đúng hạn đối với khoản vay được bảo lãnh.

Điều 18. Xử lý thu hồi vốn hình thành từ hoạt động chuyển nợ thành vốn góp

1. Chuyển nhượng vốn hình thành từ hoạt động chuyển nợ thành vốn góp:

a) Việc chuyển nhượng vốn của DATC tại công ty cổ phần đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán;

b) Đối với chuyển nhượng vốn tại công ty cổ phần chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán (hoặc đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán nhưng không thực hiện giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán) DATC thực hiện chuyển nhượng vốn theo hình thức đấu giá công khai (đấu giá thông thường hoặc đấu giá theo lô). Trường hợp đấu giá công khai không thành công hoặc không chuyển nhượng hết số cổ phần đấu giá thì thực hiện theo hình thức thỏa thuận trực tiếp với giá thỏa thuận không thấp hơn giá khởi điểm bán đấu giá công khai;

c) Trường hợp thực hiện các phương thức chuyển nhượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, giá chuyển nhượng lần đầu được xác định trên cơ sở Chứng thư thẩm định giá còn hiệu lực do tổ chức có chức năng thẩm định giá cung cấp theo quy định pháp luật thẩm định giá;

d) Trường hợp chuyển nhượng không thành công hoặc chuyển nhượng không hết số cổ phần chào bán thì DATC được điều chỉnh giá chào bán để tiếp tục chuyển nhượng trong các lần bán tiếp theo. Mức giảm giá tối đa không quá 10% so với giá chào bán lần trước liền kề.

2. Chuyển nhượng vốn kèm nợ phải thu:

DATC được chuyển nhượng vốn kèm nợ phải thu tại các doanh nghiệp đồng thời có vốn góp và nợ phải thu của DATC theo các phương thức quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó:

a) Toàn bộ phần vốn chào bán và khoản nợ phải thu kèm theo được xác định là một lô. Nhà đầu tư tham gia phải mua cả lô kèm nợ phải thu chào bán. Doanh nghiệp có vốn và nợ phải thu của DATC không được tham gia mua vốn kèm nợ phải thu của chính doanh nghiệp đó;

b) DATC quyết định giá chuyển nhượng lần đầu lô vốn góp kèm nợ phải thu nhưng không thấp hơn giá của phần vốn góp chào bán cộng với giá khoản nợ phải thu do tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định;

c) Trường hợp chuyển nhượng không thành công, DATC thực hiện điều chỉnh giá chuyển nhượng theo nguyên tắc quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

3. DATC quyết định chuyển nhượng vốn, vốn kèm nợ phải thu theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.

Chương III TÀI CHÍNH CỦA DATC

Điều 19. Vốn điều lệ

DATC xác định nhu cầu vốn điều lệ cần bổ sung theo quy định về quản

lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và quy định sau:

1. Mức đầu tư từ các dự án của DATC (trong đó có dự án đầu tư hình thành từ cần trừ nợ bằng tài sản, dự án bất động sản đã mua, tiếp nhận theo chỉ định được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư trong giai đoạn từ thời điểm vốn điều lệ được phê duyệt gần nhất đến năm điều chỉnh vốn điều lệ), kế hoạch đầu tư dự án đã được duyệt tương ứng với mức vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước, Quỹ đầu tư phát triển và các nguồn hợp pháp khác được ghi trong các dự án đầu tư của doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư, kế hoạch đầu tư dự án đã được duyệt.

2. Nhu cầu bổ sung vốn điều lệ phục vụ cho hoạt động kinh doanh gắn với quy mô doanh thu của DATC, cụ thể:

$$\begin{array}{l} \text{Nhu cầu bổ sung vốn} \\ \text{điều lệ phục vụ cho} \\ \text{hoạt động kinh doanh} \\ \text{gắn với quy mô} \\ \text{doanh thu kế hoạch} \\ \text{của năm xác định} \\ \text{điều chỉnh vốn điều lệ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Doanh thu kế hoạch} \\ \text{ bình quân} \\ \text{Vòng quay vốn lưu động} \\ \text{ bình quân năm} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Vòng quay vốn lưu động} \\ \text{ bình quân năm} \end{array}} - \begin{array}{l} \text{Vốn đầu tư} \\ \text{của chủ sở} \\ \text{hữu} \end{array}$$

Trong đó:

Doanh thu kế hoạch bình quân: được xác định bằng chỉ tiêu doanh thu kế hoạch bình quân của 05 năm tính từ năm xác định điều chỉnh vốn điều lệ.

Vòng quay vốn lưu động bình quân năm: được xác định bằng Tổng giá trị vòng quay vốn lưu động của 05 năm trước liền kề năm xác định điều chỉnh vốn điều lệ chia (/) năm (05).

Vòng quay vốn lưu động của năm được xác định bằng tổng doanh thu thực hiện trong năm chia (/) vốn lưu động bình quân của năm tương ứng.

Vốn lưu động bình quân năm được xác định bằng tổng vốn lưu động đầu năm và vốn lưu động cuối năm chia (/) hai (02).

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định bằng số dư cuối năm (mã số 411 – “Vốn đầu tư của chủ sở hữu”) trên Bảng báo cáo tình hình tài chính trong Báo cáo tài chính của năm liền kề trước năm xác định điều chỉnh vốn điều lệ.

Điều 20. Doanh thu, thu nhập khác và chi phí

1. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí: DATC ghi nhận doanh thu, chi phí từ hoạt động mua, xử lý nợ và tài sản là toàn bộ nguồn thu, chi phí phát sinh trong quá trình mua, xử lý nợ và tài sản theo quy định đối với từng hình thức xử lý nợ và tài sản tại Nghị định này.

2. DATC thực hiện trích lập và sử dụng các khoản dự phòng theo quy định đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Đối với các khoản nợ phát sinh từ hoạt động mua, bán, xử lý nợ, tái cơ cấu doanh nghiệp, DATC trích lập dự phòng trên cơ sở các nguyên tắc sau:

a) Thời gian quá hạn và giá trị quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời điểm chuyển giao quyền chủ nợ cho DATC hoặc theo cam kết trả nợ gần nhất của bên nợ phù hợp với phương án xử lý nợ mua;

b) DATC quyết định mức trích lập dự phòng hằng năm trên cơ sở khả năng thu hồi nợ tại năm trích lập nhưng phải đảm bảo việc trích đủ 100% giá mua nợ còn lại trong thời gian không quá 05 năm kể từ thời điểm quá hạn theo quy định tại điểm a khoản này.

3. DATC được hạch toán, phân bổ doanh thu, chi phí khi bán nợ trả chậm và thu nợ nhiều lần.

Điều 21. Chế độ kế toán và đánh giá hiệu quả hoạt động của DATC

1. DATC không hợp nhất báo cáo tài chính của các doanh nghiệp do DATC nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thông qua hoạt động mua, bán, xử lý nợ, tái cơ cấu.

2. Việc giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động, xếp loại doanh nghiệp của DATC thực hiện theo quy định đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Cơ quan đại diện chủ sở hữu giao một số chỉ tiêu định hướng làm cơ sở cho DATC xây dựng và ban hành kế hoạch kinh doanh hằng năm phù hợp đặc thù hoạt động trên cơ sở đánh giá: nguồn lực; kế hoạch thu nợ; mức trích lập và hoàn nhập dự phòng các khoản nợ, tài sản đã mua và phần vốn góp tại doanh nghiệp tái cơ cấu và các nhiệm vụ chỉ định được giao.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 30 tháng 10 năm 2026 và bãi bỏ Nghị định số 129/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của DATC.

Điều 23. Điều khoản chuyển tiếp

1. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, các phương án mua, xử lý nợ, tài sản, đã được phê duyệt trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thì DATC được lựa chọn tiếp tục thực hiện theo phương án đã được phê duyệt hoặc sửa đổi, bổ sung phương án để thực hiện theo quy định của Nghị định này.

2. Các khoản chi phí thực hiện nhiệm vụ chỉ định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phát sinh trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực được hạch toán vào chi phí của DATC.

Điều 24. Trách nhiệm thi hành

1. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

a) Thực hiện quyền, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với DATC theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

b) Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

2. Trách nhiệm bộ, ngành, địa phương

a) Các bộ, ngành liên quan thực hiện quản lý nhà nước đối với DATC theo chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành phù hợp với quy định của pháp luật;

b) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện quản lý nhà nước đối với DATC trong việc chấp hành các quy định quản lý hành chính trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

c) Các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện:

c1) Rà soát, phối hợp với DATC trong việc thực hiện xử lý nợ, tái cơ cấu các doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này.

c2) Hỗ trợ DATC hoàn thiện các thủ tục, hồ sơ để đăng ký thế chấp tài sản bảo đảm của khoản nợ đã mua, chuyển quyền tài sản bảo đảm cho người mua; hỗ trợ DATC trong quá trình thực hiện quyền thu giữ tài sản bảo đảm, bảo đảm an ninh, trật tự công cộng.

c3) Phối hợp thực hiện thủ tục đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng tài sản theo đề nghị của DATC.

c4) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc hoàn thiện thủ tục, hồ sơ pháp lý của tài sản bảo đảm và xử lý tài sản bảo đảm, thu hồi nợ theo đề nghị của DATC.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Hội đồng thành viên DATC chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- BCĐ Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp;
- Các tập đoàn kinh tế và tổng công ty Nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Cục, Vụ, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b). **gđ**

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Nguyễn Văn Thắng